

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 12 - 2024

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Như Toàn

Ông Bùi Đức Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Minh Thương – Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham
gia phiên tòa:** Ông Phạm Nam Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng
11 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 251/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024
giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Đinh Thị T, sinh năm 1985

Nơi cư trú: tổ A, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh
Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* anh Phạm Văn C, sinh năm 1982

Nơi cư trú: tổ A, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh
Hiện đang chấp hành án tại Đội 7, phân trại số A, Trại giam T1, xã C, huyện C,
tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Đinh Thị T trình
bày:

Chị và anh Phạm Văn C đăng ký kết hôn ngày 12/01/2009 tại UBND
phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn
anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên
nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung dẫn
đến thường xuyên cãi vã. Sau đó anh chị đã tìm cách khắc phục để tiếp tục chung

sống. Tuy nhiên đến năm 2022 anh C bị xử phạt 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Tham ô tài sản” phải đi chấp hành án phạt tù. Từ đó đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể khắc phục được.

Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung đã không tồn tại từ lâu nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về con chung: quá trình chung sống chị và anh Phạm Văn C có 02 con chung là Phạm Khánh H, sinh ngày 25/6/2010 và Phạm Trung K, sinh ngày 04/8/2016. Chị T được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị và anh Phạm Văn C không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị và anh Phạm Văn C không có nợ chung với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn C vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên trong quá trình chuẩn bị xét xử, anh C đã có bản tự khai thể hiện quan điểm:

Anh C xác nhận về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như chị T đã trình bày là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn, anh C cũng đồng ý ly hôn với chị T, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: anh và chị T có 02 con chung là Phạm Khánh H, sinh ngày 25/6/2010 và Phạm Trung K, sinh ngày 04/8/2016. Anh C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: anh và chị Đinh Thị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh và chị Đinh Thị T không có nợ chung với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh Phạm Văn C đang phải chấp hành án tại Trại giam T1 không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị T và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn C theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 11/12/2024 Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của chị T, anh C và được ông Trần Quý Đ tổ trưởng cung cấp thông tin: chị Đinh Thị T và anh Phạm Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ A, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống chị T và anh C có phát sinh mâu thuẫn tuy nhiên tổ dân không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là gì.

Tòa án cũng đã tiến hành hỏi ý kiến của cháu Phạm Khánh H và Phạm Trung K là con chung của chị T và anh C thì nếu bố mẹ ly hôn, hai cháu đều có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị T; chị Đinh Thị T được ly hôn anh Phạm Văn C.

Về con chung: giao 02 con chung là Phạm Khánh H, sinh ngày 25/6/2010 và Phạm Trung K, sinh ngày 04/8/2016 cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – chị Đinh Thị T khởi kiện về việc ly hôn đối với bị đơn – anh Phạm Văn C có nơi đăng ký thường trú tại tổ A, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên việc Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện quyền, nghĩa vụ, được nhận, thực hiện các thủ tục tố tụng và không có ý kiến gì khác. Cả nguyên đơn và bị đơn đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy về thẩm quyền giải quyết vụ án và trình tự tố tụng, được đảm bảo và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đinh Thị T và anh Phạm Văn C kết hôn với nhau là hoàn toàn tự do, tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2009 tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, do đó quan hệ hôn nhân của chị T và anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Đinh Thị T thì thấy:

Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C đã phát sinh từ lâu, nguyên nhân là do cuộc sống không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng đã tìm cách khắc phục và được gia đình

hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ năm 2022 đến nay do anh C phải đi chấp hành án phạt tù nên chị T và anh C sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay chị T thừa nhận tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không tồn tại từ lâu, nên chị T đã từ chối hòa giải và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C

Đối với bị đơn – anh Phạm Văn C cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành xác minh và được tổ dân nơi cư trú cũng đã xác nhận việc chị T và anh C có xảy ra mâu thuẫn.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn anh C của chị T là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị Đinh Thị T và anh Phạm Văn C có 02 con chung là Phạm Khánh H, sinh ngày 25/6/2010 và Phạm Trung K, sinh ngày 04/8/2016. Chị T đề nghị giao cả hai con chung cho chị C nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Xét yêu cầu này của chị T thì thấy: hiện tại anh C đang chấp hành án phạt tù, không thể trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Từ khi anh C đi chấp hành án đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị T hiện đang là kế toán Công ty TNHH Đ1, thu nhập bình quân 10.500.000 đồng/tháng, có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cháu Phạm Khánh H và Phạm Trung K đều có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do đó việc giao con chung cho chị T nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự chăm sóc, phát triển của con chung. Căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì yêu cầu của chị T là có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[4] Về tài sản chung:

Chị Đinh Thị T và anh Phạm Văn C không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về nợ chung:

Chị Đinh Thị T và anh Phạm Văn C xác nhận vợ chồng không có nợ chung với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: chị Đinh Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị T; chị Đinh Thị T được ly hôn anh Phạm Văn C.

Về con chung: chị Đinh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Phạm Khánh H, sinh ngày 25/6/2010 và Phạm Trung K, sinh ngày 04/8/2016 đến tuổi thành niên. Anh Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi các con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: chị Đinh Thị T và anh Phạm Văn C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị Đinh Thị T và anh Phạm Văn C không vay nợ chung với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Đinh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 04/11/2024 theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001346 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường H, TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thu Hương

